

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 12 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/HNGĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số 6 đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

Bị đơn: Bà Hà Thị Bích T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Kiệt 101/52 đường B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

Người kháng cáo: Bị đơn Hà Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Vũ Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hà Thị Bích T kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hôn

nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống khác biệt nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây sự, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên ngột ngạt, dẫn đến ảnh hưởng công việc cũng như cuộc sống thường ngày. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, đến năm 2023 ông nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn. Tuy nhiên từ thời gian đó cho đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Vũ Hà P, sinh ngày 15/9/2021 và Vũ Hà L, sinh ngày 15/9/2021. Ly hôn, ông nhận nuôi dưỡng trực tiếp con Vũ Hà L và giao con Vũ Hà P cho bà T nuôi dưỡng, ông hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con Vũ Hà P cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

** Bị đơn bà Hà Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn L kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ sau khi bà sinh hai con thì các con thường xuyên đau ốm phải chữa trị nhưng ông L không giúp đỡ, chia sẻ và không có trách nhiệm cùng bà để chăm sóc các con, do đó bà bị ảnh hưởng về sức khỏe và tinh thần. Ông L không gởi tiền cho bà nuôi con nên vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, ông L lạnh nhạt với bà, quan hệ vợ chồng chấm dứt từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Năm 2023, ông L nộp đơn xin ly hôn bà và vợ chồng được Tòa án hòa giải nên ông L rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, sau đó ông L không trở về với vợ con mà chỉ đến thăm con rồi đi. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý ly hôn, vì hiện nay hai con thường xuyên đau ốm, nếu ly hôn thì các con là người bị ảnh hưởng. Mặt khác, bà còn tình cảm với ông L nên bà mong muốn được đoàn tụ. Ngoài ra, bà cho rằng ông L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nhưng vì nuôi con nhỏ và do ông L là người chủ động ly hôn nên bà không đi tìm chứng cứ để cung cấp.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung tên là Vũ Hà P, sinh ngày 15/9/2021 và Vũ Hà L, sinh ngày 15/9/2021. Nếu ly hôn, bà nhận nuôi dưỡng con Vũ Hà P, giao con Vũ Hà L cho ông L nuôi dưỡng. Vì bà khó khăn nên bà yêu cầu ông L cấp dưỡng cho bà từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để nuôi con Vũ Hà P. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mà ông L đề nghị.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 33, Điều 51, Điều 56; Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu đơn kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của ông Vũ Văn L với bà Hà Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn L được ly hôn đối với bà Hà Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Hà L, sinh ngày 15/9/2021 cho ông Vũ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Vũ Hà P sinh ngày 15/9/2021 cho bà Hà Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi con Vũ Hà P đủ 18 tuổi.

Các bên được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 17/9/2024, bị đơn bà Hà Thị Bích T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu như sau:

1. Bà không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương ông L.

2. Tòa cấp sơ thẩm giao con Vũ Hà P cho bà nuôi dưỡng nhưng hiện nay bà khó khăn, lương của bà có 6.000.000 đồng/tháng mà còn phải nuôi mẹ, nuôi con, thuê nhà, trong khi thu nhập của ông L hơn 19.000.000 đồng/tháng nên bà yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con cho bà là 3.000.000 đồng/tháng.

3. Bà yêu cầu Tòa án ghi rõ vào bản án nội dung ông L phải chịu trách nhiệm nuôi Vũ Hà L và đưa cháu đi chữa trị, trong điều kiện thuận lợi bà sẽ hỗ trợ trong việc đưa con đi chữa bệnh.

4. Ông Long phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con và chăm sóc con tại Đà Nẵng và tiếp tục điều trị bệnh cho con, bà được quyền thăm, đón con về nhà ít nhất 1 tuần/lần.

5. Trường hợp Tòa án tuyên ly hôn thì ông Long phải giao cho bà 100.000.000 đồng theo cam kết trước đây.

6. Yêu cầu Tòa án ghi rõ tiền cấp dưỡng ông L phải chuyển khoản cho bà trực tiếp lương từ cơ quan của ông L vào tài khoản của bà là 2003206137404.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 17/9/2024, bị đơn bà Hà Thị Bích T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T thay đổi một phần nội dung đã kháng cáo, bà T yêu cầu HĐXX phúc thẩm xem xét cho bà được nuôi dưỡng con Vũ Hà L vì bà cho rằng hiện nay ông L đã đưa cháu Vũ Hà L về quê ở Thanh Hóa cho ông bà nội nuôi dưỡng mà không trực tiếp nuôi dưỡng con. Bà nhận thấy việc giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng trong lúc cháu đang bị bệnh là không đảm bảo cho cháu và bà không thể đi lại để thăm nom cháu được. Đồng thời bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, nội dung thay đổi kháng cáo của bà T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên HĐXX chấp nhận xem xét nội dung kháng cáo này.

Về nội dung: Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị Bích T thì thấy:

[2] Bà Hà Thị Bích T và ông Vũ Văn L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, do đó quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và có hai con chung. Theo ông L khai, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2022, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống khác biệt nhau; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây sự, xúc phạm nhau, không tôn trọng nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên ngột ngạt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn bà T. Bà T thì cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do từ sau khi bà sinh hai con thì các con thường xuyên đau ốm phải chữa trị nhưng ông L không giúp đỡ, chia sẻ và không có trách nhiệm cùng bà để chăm sóc các con nên vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, ông L lạnh nhạt với bà, quan hệ vợ chồng chấm dứt từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Tuy nhiên bà T xác định bà vẫn còn tình cảm với ông L và mong muốn cho các con có gia đình trọn vẹn nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho vợ chồng bà đoàn tụ.

[3] HĐXX xét thấy: Tháng 11 năm 2023, ông L đã làm đơn xin ly hôn bà T, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông L rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Song hôn nhân của bà T và ông L vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn giữa vợ

chồng vẫn diễn ra. Bản thân bà T có yêu cầu đoàn tụ nhưng bà không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà Th thừa nhận, sau khi ông L rút đơn thì vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, ông L chỉ đến thăm con rồi đi, thực tế bà T và L đã không chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông L được ly hôn bà T là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu đoàn tụ của bà T.

[4] Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông L có hai con chung Vũ Hà P sinh ngày 15/9/2021 và Vũ Hà L, sinh ngày 15/9/2021. Tại phiên tòa sơ thẩm, giữa bà T và ông L thỏa thuận, bà T nuôi dưỡng con Vũ Hà P và ông L nhận nuôi dưỡng con Vũ Hà L, đồng thời ông L hỗ trợ cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi con Vũ Hà P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con Vũ Hà P cho bà T nuôi dưỡng, giao con Vũ Hà L cho ông L nuôi dưỡng, buộc ông L cấp dưỡng nuôi con Hà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với ý chí, nguyện vọng của hai bên. Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án thì ông L đã đưa con Vũ Hà L về quê ở Thanh Hóa cho ông bà nội chăm sóc nên bà T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bà được quyền nuôi dưỡng con Vũ Hà L. HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông L nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hà L. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, ông L thừa nhận do điều kiện công tác nên ông đã gửi cháu L về quê cho ông bà nội chăm sóc giúp song ông vẫn thường xuyên gửi tiền cấp dưỡng và hỏi thăm cháu L. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chưa thành niên phải do cha hoặc mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, đối với cháu L hiện nay còn rất nhỏ, cháu mới hơn 3 tuổi lại bị bệnh dây thần kinh mặt từ khi sinh ra nên cháu rất cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Vì vậy, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là hoàn toàn có căn cứ, điều này phù hợp với ý chí ban đầu của ông L khi làm đơn yêu cầu ly hôn bà T là giao hai con cho bà T nuôi dưỡng, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, hiện nay ông L có mức thu nhập mỗi tháng 19.200.000 đồng, tuy nhiên ngoài việc cấp dưỡng nuôi các con, ông còn phải lo chi phí cho bản thân và cha mẹ ở quê nên mức cấp dưỡng mà bà T yêu cầu là cao so với điều kiện hiện tại của ông L. Mặt khác, chi phí nuôi dưỡng hai con bà T cũng phải có phần trách nhiệm cùng ông L. Vì vậy, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T, buộc ông L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế của ông L.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông L giao cho bà 100.000.000 đồng để lo cho con Hà P như đã cam kết trước đây. Xét thấy, yêu cầu này bà T không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết,

do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo này của bà Thuận được.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T về việc đề nghị Tòa án ghi rõ tiền cấp dưỡng ông L phải chuyển khoản cho bà trực tiếp lương từ cơ quan của ông L là Bộ chỉ huy Biên phòng thành phố T vào tài khoản của bà số 2003206137404. HĐXX xét thấy, yêu cầu kháng cáo này của bà T không thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà Thuận, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm, HĐXX xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nên không chấp nhận.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hà Thị Bích T.

II. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận N như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con của ông Vũ Văn L đối với bà Hà Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn L được ly hôn bà Hà Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao hai con Vũ Hà L, sinh ngày 15/9/2021 và Vũ Hà P sinh ngày 15/9/2021 cho bà Hà Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0001703 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng. Ông L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Bích T không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003408 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

V. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận N;
- CCTHADS quận N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yên